# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
# [ĐỌC TIẾNG ANH 4]
# Mã học phần: ERE32024 – Số tín chỉ: 02

Dùng cho ngành: Ngôn ngữ Anh
Điều kiện tiên quyết: Đọc tiếng Anh 3
Hình thức đào tạo: Trực tiếp và/hoặc trực tuyến
Đơn vị phụ trách: Khoa Ngoại Ngữ

## 1. Mô tả chung về học phần

Học phần " Đọc 4" được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức từ vựng và ngữ pháp phù hợp giúp sinh viên đọc hiểu các bài đọc về các vấn đề đa dạng trong đời sống xã hội ở mức độ cao cấp; Cung cấp cho sinh viên các kỹ năng đọc cần thiết ở mức độ cao cấp như đọc ý chính, đọc chi tiết, nhận diện thông tin từ các gợi ý cho trước, trả lời đa dạng các loại câu hỏi khác nhau trong bài đọc.

Học phần đọc 4 góp phần phục vụ cho chuẩn đầu ra A2, B1, B3, C3, C4 của Chương trình Đào tạo ngành ngôn ngữ Anh.

## 2. Các chữ viết tắt

*G: Mục tiêu học phần*
*TL: Tự luận*
*BTVN: Bài tập về nhà*
*TN: Trắc nghiệm*
*BTHK: Bài thi cuối học kỳ*
*ST: Số tiết chuẩn*
*SG: Số giờ*

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mã | Chuẩn đầu ra học phần |
|---|---|
| **a1** | Vận dụng dụng kiến thức cơ bản về ngôn ngữ để đọc và hiểu được những đoạn viết ngắn thuộc các chủ đề hàng ngày |
| **a2** | Thể hiện khả năng hiểu những bài khoá ngắn thuộc các chủ đề hàng ngày. Có thể sử dụng được kiến thức về môn học để hoàn thành các nhiệm vụ liên quan được giao ở các ngữ cảnh khác nhau |
| **a3** | Thể hiện khả năng hiểu những khái niệm căn bản về ngôn ngữ, kĩ năng phân tích một bài đọc, kĩ năng hiểu câu hỏi và xác định thông tin trong bài khoá và vận dụng được những kiến thức này vào công việc chuyên môn |
| **b1** | Vận dụng được kĩ năng của môn học trong nghiên cứu và thực hành ngôn ngữ |
| **b2** | Thể hiện kĩ năng nghiên cứu ngôn ngữ |
| **c1** | Thể hiện khả năng làm việc độc lập, tự nghiên cứu, có kĩ năng thuyết trình |
| **c2** | Thể hiện trách nhiệm với công việc và cộng đồng |

## 4. Tài liệu học tập

### 4. 1. Giáo trình và tài liệu học tập:

Macintyre, P & Bohlke, B, (2015), *Reading Explorer 4*-2nd editionCengage Learning

### 4.2. Tài liệu tham khảo:

1. Linda Lee & Erik Gundersen (2002). *Select readings* Pre –

Intermediate, Oxford University Press

1. Cambridge Certificate in Advanced English
2. Amos Paran. (1999) *First Certificate GOLD Practice Exam*, CUP
3. Mosback, G. (1976) *Practical Faster Reading*, CUP
4. Ray de Witt. (1998) *How to prepare for IELTS*, CUP

**5. Chiến lược học tập**

Sinh viên cần tích cực và chủ động tham gia vào quá trình học tập; cần tham gia đầy đủ các giờ học theo quy định, không ngừng phấn đấu để duy trì sự tiến bộ liên tục trong học tập; hoàn thành nhiệm vụ học tập đúng tiến độ.

Để hoàn thành tốt học phần này, sinh viên cần:

- Có ý thức học tập tốt
- Có đầy đủ tài liệu học tập

**6. Nội dung, kế hoạch giảng dạy và đánh giá**

| **Nội dung và kế hoạch giảng dạy, đánh giá** | **Hoạt động học tập của người học** | | | | **Chuẩn đầu ra** |
|---|---|---|---|---|---|
| | **Trên lớp** | **ST** | **Tự học** | **SG** | |
| Unit 1: The power of Image | 1. The visual Village<br>2. My journey in Photographs by Annie Grifftl | 2<br>1 | Chuẩn bị từ mới về chủ đề du lịch và những địa danh nổi tiếng Làm BTVN | 9 | |
| Unit 2: Love & Attraction | 1. Love: A chemical reaction<br>2. Feathers of Love | 2<br>1 | Chuẩn bị từ mới về chủ đề tình yêu<br>Thuyết trình về quan điểm tình yêu<br>Làm BTVN | 9 | a1, a2 |
| Unit 3: Food & Health | 1. How safe is our food?<br>2. Genetically Modified Food | 2<br>1 | Chuẩn bị từ mới về chủ đề thực phẩm<br>Làm BTVN | 9 | a2, a3 |
| Unit 4: Design & Engineering | 1. Design by nature<br>2. The future of Fashion | 2<br>1 | Chuẩn bị từ mới về chủ đề cơ khí Làm BTVN | 9 | a1, a2, a3 |
| Unit 5: Human Journey | 1. The DNA Trail<br>2. Fantastic Voyage | 2<br>1 | Chuẩn bị từ mới về chủ đề gen di truyền và sức khỏe con người<br>Làm BTVN | 9 | b1, b2, c1 |
| Unit 6: Conservation Challenges | 1. Racing to Rescue Koalas<br>2. For the Love of Elephants | 2<br>1 | Chuẩn bị từ mới về chủ đề động vật<br>Làm BTVN | 9 | b1, b2 |
| TEST 1 | | 3 | Chuẩn bị từ mới về chủ đề du lịch và những địa danh nổi tiếng Làm BTVN | 9 | a1, a2, a3, c1 |
| Unit 7: Ritual Lives | 1. A Crowd in Harmony<br>2. Why We Celebrate | 2<br>1 | Chuẩn bị từ mới về chủ đề văn hóa và lễ hội<br>Làm BTVN | 9 | b1, b2, c1 |
| Unit 8: Investigations | 1. Who Killed the Emperor?<br>2. In the Lab with Marcella and | 2<br>1 | Chuẩn bị từ mới về chủ đề du lịch lịch sử<br>Làm BTVN | 9 | a1, a2, b1 |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | Alphonse | | | | |
| Unit 9: Rediscovering the Past | 1. Virtually Immotal<br>2. In Search of Genghis Khan | 2<br>1 | Làm project về nhân vật lịch sử<br>Làm BTVN | 9 | b1, b2, c1 |
| Unit 10: Earth and Beyond | 1. Black Holes<br>2. The Threat from Space | 2<br>1 | Chuẩn bị từ mới về chủ đề môi trường<br>Làm BTVN | 9 | a2, b2 |
| Unit 11: Green Concerns | 1. Water Worries<br>2. Technology as Trash | 2<br>1 | Chuẩn bị từ mới về chủ đề môi trường và bảo vệ môi trường<br>Làm BTVN | 9 | a1, a3, c1 |
| Unit 12: Living Longer | 1. Genes, Health, and Lifespan<br>2. In Search of Longevity | 2<br>1 | Chuẩn bị từ mới về chủ đề sức khỏe<br>Làm BTVN | 9 | bậc 5, bậc 6 |
| TEST 2 | | 3 | | 9 | b1, b2, c1 |
| Revision | | 3 | Ôn tập cuối khoá | 9 | a1, a2, a3, b1, b2, c1 |
| **Tổng số tiết/giờ học** | | **45** | | **135** | |

## 7. Đánh giá kết quả học tập

Hoạt động đánh giá của học phần gồm:

| **Phân loại** | **Phương pháp đánh giá** | **Tỷ trọng** | **a3** | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | **a1** | **a2** | **a3** | **b1** | **b2** | **c1** | **c2** |
| Quá trình | ĐG1. TN | 25% | x | x | x | | | x | |
| | ĐG2. TN | 25% | | | | x | x | x | |
| Kết thúc học phần | BTKTHP | 50% | x | x | x | x | x | x | x |
| *`Tổng cộng*: | | 100% | | | | | | | |

## 8. Hoạt động đánh giá của học phần

### 8.1. Hoạt động đánh giá 1

- *Hình thức đánh giá:* Trắc nghiệm
- *Mục đích:*

◦ Nâng cao năng lực sử dụng ngôn ngữ
◦ Bồi dưỡng năng lực nghiên cứu ngôn ngữ
◦ Rèn luyện kỹ năng giải quyết vấn đề, khả năng làm việc độc lập
◦ Hình thành và rèn luyện ý thức và kỹ năng làm việc nhóm và trách nhiệm với công việc và cộng đồng

Chuẩn đầu ra được đánh giá: a1, a2, a3, b1, b2, c1

*-Quy trình:*

o Người học đọc kỹ tài liệu học tập và nghiên cứu bài giảng của giảng viên cũng như tài liệu tham khảo (được cung cấp hoặc tự tìm kiếm)
o Hoàn thành các bài tập trắc nghiệm được giao
o Số lượng câu trắc nghiệm dao động trong phạm vi từ 20-30 câu.
o Cứ 06 bài học, giáo viên yêu cầu người học làm 1 bài trắc nghiệm để đánh giá lại kiến thức đã học

- *Tỷ trọng đánh giá*: **25%** tổng điểm học phần

**8.2. Hoạt động đánh giá 2**

- *Hình thức đánh giá:* Trắc nghiệm
- *Mục đích:*

◦ Nâng cao năng lực sử dụng ngôn ngữ
◦ Bồi dưỡng năng lực nghiên cứu ngôn ngữ
◦ Rèn luyện kỹ năng giải quyết vấn đề, khả năng làm việc độc lập
◦ Hình thành và rèn luyện ý thức và kỹ năng làm việc nhóm và trách nhiệm với công việc và cộng đồng

Chuẩn đầu ra được đánh giá: a1, a2, a3, b1, b2, c1

*-Quy trình:*

o Người học đọc kỹ tài liệu học tập và nghiên cứu bài giảng của giảng viên cũng như tài liệu tham khảo (được cung cấp hoặc tự tìm kiếm)
o Hoàn thành các bài tập trắc nghiệm được giao
o Số lượng câu trắc nghiệm dao động trong phạm vi từ 20-30 câu.
o Cứ 06 bài học, giáo viên yêu cầu người học làm 1 bài trắc nghiệm để đánh giá lại kiến thức đã học

- *Tỷ trọng đánh giá*: **25%** tổng điểm học phần

**8.3. Hoạt động đánh giá 3**

- *Hình thức đánh giá:* Bài thi kết thúc học phần
- *Mục đích:*

o Nâng cao năng lực sử dụng ngôn ngữ đặc biệt khả năng đọc hiểu
o Bồi dưỡng năng lực nghiên cứu ngôn ngữ
o Rèn luyện kỹ năng giải quyết vấn đề, khả năng làm việc độc lập
o Hình thành và rèn luyện ý thức và kỹ năng làm việc nhóm và trách nhiệm với công việc và cộng đồng

- *Chuẩn đầu ra được đánh giá*: a1, a2, a3, b1, b2, c1, c2
- *Mô tả:* Bài thi gồm 40 câu hỏi trắc nghiệm**,** được thiết kế liên quan đến những nội dung đã học theo mức độ từ dễ, trung bình, khó đến rất khó. Mỗi câu hỏi được 0,25 điểm. Tổng số điểm bài thi kết thúc học phần là 10.
- *Tỷ trọng đánh giá*: **50%** tổng điểm học phần

**8.4. Ma trận đánh giá**

| **Tiêu chí đánh giá** | **Khung điểm** | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | **A** | **B** | **C** | **D** | **F** |
| | **8,5 - 10** | **7,0 – 8,4** | **5,5 – 6,9** | **4,0 – 5,4** | **< 4,0** |
| **a1** Vận dụng dụng kiến thức cơ bản về ngôn ngữ để đọc và hiểu được những đoạn viết ngắn thuộc các chủ đề hàng ngày | Vận dụng tốt | Vận dụng khá tốt | Vận dụng ở mức trung bình | Vận dụng ở mức hạn chế | Vận dụng ở mức rất hạn chế |
| **a2** Thể hiện khả năng hiểu những bài khoá ngắn thuộc các chủ đề hàng ngày. Có thể sử dụng được kiến thức về môn học để hoàn thành các nhiệm vụ liên quan được giao ở các ngữ cảnh khác nhau | Thể hiện tốt | Thể hiện khá tốt | Thể hiện ở mức trung bình | Thể hiện ở mức hạn chế | Thể hiện ở mức rất hạn chế |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| **a3** Thể hiện khả năng hiểu những khái niệm căn bản về ngôn ngữ, kĩ năng phân tích một bài đọc, kĩ năng hiểu câu hỏi và xác định thông tin trong bài khoá và vận dụng được những kiến thức này vào công việc chuyên môn | Thể hiện tốt | Thể hiện khá tốt | Thể hiện ở mức trung bình | Thể hiện ở mức hạn chế | Thể hiện ở mức rất hạn chế |
| **b1** Vận dụng được kĩ năng của môn học trong nghiên cứu và thực hành ngôn ngữ | Vận dụng tốt | Vận dụng khá tốt | Vận dụng ở mức trung bình | Vận dụng ở mức hạn chế | Vận dụng ở mức rất hạn chế |
| **b2** Thể hiện kĩ năng nghiên cứu ngôn ngữ | Thể hiện tốt | Thể hiện khá tốt | Thể hiện ở mức trung bình | Thể hiện ở mức hạn chế | Thể hiện ở mức rất hạn chế |
| **c1** Thể hiện khả năng làm việc độc lập, tự nghiên cứu, có kĩ năng thuyết trình | Thể hiện tốt | Thể hiện khá tốt | Thể hiện ở mức trung bình | Thể hiện ở mức hạn chế | Thể hiện ở mức rất hạn chế |
| **c2** Thể hiện trách nhiệm với công việc và cộng đồng | Thể hiện tốt | Thể hiện khá tốt | Thể hiện ở mức trung bình | Thể hiện ở mức hạn chế | Thể hiện ở mức rất hạn chế |

**8.5. Cách tính kết quả học tập chung của học phần**

*Kết quả của học phần được đánh giá theo công thức sau:*

$$\sum = \frac{TNx25 + TNx25 + BTHKx50}{100}$$

**9. Các phương tiện, trang thiết bị dạy và học**

Phòng học tiêu chuẩn, đạt đủ yêu cầu về bàn ghế, ánh sáng, loa đài, micro phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập.

Giáo trình và tài liệu tham khảo; có hệ thống máy chiếu và kết nối mạng Internet; thư viện số phục vụ người học.

May tính và phương tiện cần thiết để trình chiếu khi thuyết trình

**10. An toàn của sinh viên và giảng viên**

Trong quá trình thực tế, người đi học cần đi lại cẩn trọng, tuân thủ luật giao thông; tuân thủ các nội quy quy định về lớp học, quy định về an toàn phòng chống cháy nổ và các quy định khác của Nhà trường và khoa.

**11. Kỷ luật, khiếu nại và hỗ trợ**

Sinh viên gặp bất kỳ khó khăn gì trong quá trình học tập có thể liên hệ trực tiếp với giảng viên, Trưởng khoa/bộ môn, Văn phòng hỗ trợ sinh viên, Phòng Đào tạo, Ban Thanh tra của Nhà trường để được hướng dẫn, hỗ trợ.

| | |
|---|---|
| **Chủ tịch Hội đồng** | *Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2023* |
| **xây dựng CTĐT ngành** | **Người biên soạn** |
| **T.S Trần Thị Ngọc Liên** | **Nguyễn Thị Phương Thu** |